

Bản án số: 05/2021/DS-PT

Ngày: 05/01/2021

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Thu Thiệp

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký

Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2020/TLPT-DS ngày 07/02/2020 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 494/2020/QĐ-PT ngày 07/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 649/2020/QĐPT-HPT ngày 23/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Trần Vĩnh Phúc, sinh năm 1957

- Bà Nguyễn Thị Xuân Bình, sinh năm 1958

Trú tại: Số 5A, phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phương Hữu Tuyển, Luật sư Hoàng Văn Hương, Văn phòng luật sư Hoàng Hưng; Luật sư Nguyễn Đức Mai, Văn phòng Luật sư Hà Phú, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị Mai Phương, sinh năm 1949

- Ông Lê Văn Dưỡng, sinh năm 1940

Trú tại: Số 109, K6B, tập thể Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông Dưỡng, bà Phương: Anh Lê Phương Bảo, sinh năm 1977 và anh Lê Phương Trung, sinh năm 1981. Giấy ủy quyền ngày 19/02/2020 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội.

- Ông Trần Lũy (đã chết)
- Bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1959

Trú tại: Số 5A, phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Lũy:

- Bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1959
- Chị Trần Kim Oanh, sinh năm 1984
- Chị Trần Minh Hằng, sinh năm 1992

HKTT và trú tại: Số 5A, phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Việt Hà, sinh năm 1985

Trú tại: Số 5A, phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của anh Trần Việt Hà: Bà Nguyễn Thị Xuân Bình theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/02/2017 tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Việt Hà: Luật sư Phương Hữu Tuyển và Luật sư Hoàng Văn Hương, Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

- Chị Trịnh Mai Hương, sinh năm 1985
- Chị Trần Phương Linh, sinh năm 1991
- Cháu Trần Hà An, sinh năm 2014

(Cháu An do anh Hà, chị Hương là giám hộ)

Hộ khẩu thường trú: Số 5A, phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Chị Trần Kim Oanh, sinh năm 1984
- Chị Trần Minh Hằng, sinh năm 1992
- Cháu Lê Gia Hân, sinh năm 2015

(Cháu Hân do chị Hằng là giám hộ).

Cùng Hộ khẩu thường trú: Số 5A, phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thúy Hiền, sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: Tổ 37, Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của ông Trần Vĩnh Phúc, bà Nguyễn Thị Xuân Bình là nguyên đơn; bà Trần Thị Mai Phương, bà Nguyễn Thị Lý là bị đơn, anh Trần Việt Hà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình thống nhất trình bày:

Bố ông Phúc là cụ Trần Văn Hiến, sinh ngày 01/10/1920, mất ngày 02/6/2008. Mẹ ông Phúc là cụ Huỳnh Thị Mai Xuân, sinh ngày 29/01/1927, mất ngày 16/12/2012. Bố mẹ ông sinh được 04 người con là: Trần Thị Mai Phương, sinh ngày: 15/12/1949, ông Trần Ninh Bình, sinh năm: 1951, mất năm 1968 – liệt sỹ, không có vợ, con; ông Trần Lũy, sinh ngày 03/12/1952, ông Trần Vĩnh Phúc, sinh ngày 01/01/1957. Ngoài 04 người con nêu trên, bố mẹ ông không có con riêng, con ngoài giá thú nào khác. Do cụ Hiến là lão thành Cách mạng được Nhà nước cấp nhà và đất tại địa chỉ số 5A, Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là nhà 5A phố Nguyễn Bình Khiêm). Ngày 23/5/2001, UBND Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107015062 theo Quyết định số 2890.2001.QĐUB của UBND Thành phố Hà Nội cụ thể: Thửa đất 797, tờ bản đồ số S13 lập năm 1956, diện tích đất ở 274,5m²; diện tích xây dựng là: 189,3m²; hình thức sử dụng riêng 274,5m² đứng tên cụ Trần Văn Hiến và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân. Trước khi mất, bố mẹ ông có để lại “*Thư để lại cho các con*” lập ngày 20/10/2006 để phân chia nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm.

Nội dung của bản di chúc: Căn dặn các con hòa thuận, thương yêu nhau và thực hiện phân chia tài sản theo di chúc bố, mẹ ông để lại. Chỉ định thừa kế bao gồm: Vợ chồng ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình được ở nhà phía trong cùng đã tự bỏ tiền ra xây cất cách đây hàng chục năm và miếng đất làm sân. Vợ chồng bà Trần Thị Mai Phương và ông Lê Văn Dưỡng được căn phòng trước đây 2 cụ vừa làm phòng ngủ vừa làm phòng ăn bao gồm cả tầng lầu. Vợ chồng ông Trần Lũy và bà Nguyễn Thị Lý được phòng khách (nơi làm phòng ngủ khi các cụ còn sống) và phòng tắm, vệ sinh, bếp cầu thang. Đất và nhà mặt phố cho cháu đích tôn Trần Việt Hà (con ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình) sử dụng để có điều kiện làm nhiệm vụ cúng tổ tiên ông bà với điều kiện khi bác Lũy, Lý còn sống thì tiền cho thuê phải chia đôi cho 2 bác 1/2. Khi cả hai bác mất mới thuộc quyền sở hữu của Hà. Lối đi chung như hiện tại 3 anh chị em sử dụng chung.

Sau khi bố mẹ ông qua đời, ngày 07/6/2014, gia đình đã họp công bố di chúc theo hình thức cung cấp bản sao di chúc của bố mẹ ông để lại tới các thành viên trong gia đình và đề nghị thực hiện việc phân chia di sản thừa kế là nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm theo di chúc trên nhưng không thành. Ông bà đã đề nghị anh chị cho ý kiến bằng văn bản về việc phân chia tài sản theo di chúc nhưng không nhận được phản hồi. Trước khi gửi đơn đến Tòa án, ngày 16/10/2016 ông đã có thư gửi các đồng thừa kế có liên quan mong có thể hòa giải, phân chia di sản thừa kế trong nội bộ gia đình nhưng không đạt kết quả. Thực tế từ đó đến nay, gia đình ông và ông Lũy bà Lý vẫn ở đúng phần diện tích như trong thư ba mẹ ông để lại. Gia đình bà Phương không ở nên ông quản lý sửa chữa khi hư hỏng. Căn phòng mặt đường hiện vẫn cho thuê. Nay các anh chị em trong gia đình ông không thể tự hòa giải phân chia di sản thừa kế theo di chúc. Vì vậy, ông bà khởi kiện đề nghị Tòa

án công nhận “*Thư để lại cho các con*” là di chúc hợp pháp của bố mẹ để lại và phân chia di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm cho các đồng thừa kế theo nội dung di chúc trên.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn bà Trần Thị Mai Phương và ông Lê Văn Dưỡng do bà Phương là đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà có chồng là Lê Văn Dưỡng, sinh năm 1940, hộ khẩu tại: nhà 109, K6B, ngõ 48 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà có ý kiến: Nhà 5A Nguyễn Bình Khiêm là ngôi nhà của Nhà nước cấp cho cụ Hiến do cụ là cán bộ lão thành Cách mạng theo Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/02/2000 về việc hỗ trợ người hoạt động Cách mạng từ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 cải thiện nhà ở. Bà và chồng bà không công nhận “*Thư để lại cho các con*” do bố bà viết năm 2006 là di chúc hợp pháp. Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bố mẹ theo pháp luật.

Ngoài ra, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn, ông Trần Lữ và bà Nguyễn Thị Lý thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông bà có ý kiến: Thời điểm bố ông viết “*Thư để lại cho các con*” khi bố ông 86 tuổi, sức khỏe, trí lực đều suy giảm. Dù ông tự viết “*Thư để lại cho các con*” không có người làm chứng, nội dung thư không đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự. Người viết thư không có đầy đủ thông tin cá nhân của người viết cũng như thông tin cá nhân người nhận di sản, di chúc ngày tháng không rõ ràng, chữ ký cũng không giống chữ ký mà bố ông thường ký. Phần ghi của mẹ ông đáng ra phải ghi là “tôi đồng ý” nhưng mẹ ông lại ghi là “má hoàn toàn đồng ý”. Với suy luận của ông về chữ “má hoàn toàn đồng ý” viết phía dưới cùng của văn bản thì không phải do mẹ ông tự nguyện mà do tác động của ông Phúc, bà Bình. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình. Ông xuất trình cho Tòa án bản di chúc ngày 16/8/2009. Chữ viết trong bản di chúc này là của ông. Chữ ký trong bản di chúc này là của mẹ ông, cụ Huỳnh Thị Mai Xuân. Bản di chúc và Thư để lại cho con có nội dung giống nhau về việc phân định chỗ ở cho các gia đình như hiện trạng đang sử dụng. Khác nhau cụ thể: Phần cửa hàng ở mặt đường tại 5A phố Nguyễn Bình Khiêm theo “*Thư để lại cho con*” thì cho vợ chồng ông bà hưởng $\frac{1}{2}$. Còn theo bản di chúc thì cho ông hưởng toàn bộ nên đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc và cho ông hưởng toàn bộ phần cửa hàng mặt đường theo nội dung bản di chúc ngày 16/8/2009.

Từ khi mẹ ông mất, ông không hề nhận được khoản tiền nào từ phần tiền thuê cửa hàng mặt tiền nên ông đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền cho thuê cửa hàng mặt đường từ năm 2013 đến nay.

Ngoài ra, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Phương Linh, chị Trịnh Mai Hương, chị Nguyễn Thúy Hiền trình bày:

Chị Linh là con gái của ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình; chị Hương là con dâu của ông Trần Vĩnh Phúc, bà Nguyễn Thị Xuân Bình đều có hộ khẩu tại 5A phố Nguyễn Bình Khiêm. Các chị đều không có ý kiến gì về việc kiện của bố mẹ.

Chị Hiền là người thuê nhà căn phòng mặt tiền nhà 5A phố Nguyễn Bình Khiêm để kinh doanh quần áo không liên quan đến việc chia thừa kế ngôi nhà 5A phố Nguyễn Bình Khiêm. Các chị đều xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Kim Oanh trình bày:

Chị đã nhận được Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng số: 564/TB-TA của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Chị xin được vắng mặt và ủy quyền cho bố chị là ông Trần Lũy nhận thay chị các văn bản tố tụng có liên quan.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Minh Hằng trình bày:

Chị là con gái của ông Trần Lũy và bà Nguyễn Thị Lý, chị nhất trí với ý kiến của bố mẹ chị đã trình bày tại Tòa án. Chị không có đóng góp gì với nhà đất như trên. Do chị bận công việc, không thể tham gia các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã quyết định:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình đối với bà Trần Thị Mai Phương, ông Lê Văn Dưỡng, ông Trần Lũy, bà Nguyễn Thị Lý về việc công nhận di chúc và chia thừa kế theo di chúc.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Văn Hiến là ngày 02/6/2008, thời điểm mở thừa kế của cụ Huỳnh Thị Mai Xuân là ngày 16/12/2012.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Trần Văn Hiến và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân là bà Trần Thị Mai Phương, ông Trần Lũy, ông Trần Vĩnh Phúc.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Hiến và cụ Xuân là nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thuộc thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956, diện tích đất ở 274,50m², hình thức sử dụng: riêng; Nhà biệt thự, tổng diện tích sử dụng 189,30 m², số

tầng 02+01 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107015062, hồ sơ gốc số: 14967.2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2001 cho cụ Trần Văn Hiên và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân.

5. Di sản trên có giá trị là 71.106.693.000đ (bảy một tỷ một trăm linh sáu triệu sáu trăm chín ba nghìn đồng) được chia thừa kế theo pháp luật và chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Phương, ông Lữ, ông Phúc, mỗi người được hưởng giá trị là: 23.702.231.000đ (hai mươi ba tỷ bảy trăm linh hai triệu hai trăm ba một nghìn đồng).

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự cùng thống nhất xác định số tiền cho thuê cửa hàng mặt phố Nguyễn Bình Khiêm là di sản thừa kế của cụ Hiên và cụ Xuân tính đến thời điểm ngày 31/12/2019 là 660.190.000đ, được chia đều cho ông Phúc và ông Lữ mỗi người $\frac{1}{2}$. Ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho ông Lữ số tiền là 330.950.000đ.

7. Chia bằng hiện vật:

+ Ông Phúc, bà Phương, ông Lữ đều được sở hữu sử dụng 01 lối đi chung có chiều rộng (giáp mặt phố Nguyễn Bình Khiêm) là 2,61m, chiều dài là 19,65m, diện tích 51,2 m² có giá trị 15.360.000.000đ. Mỗi người hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị là 5.120.000.000đ.

+ Ông Phúc sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất tại phía trong cùng của thửa đất bao gồm nhà xây 03 tầng và 01 sân (hiện ông và vợ là bà Bình đang quản lý sử dụng) có diện tích đất là 99,7m² có giá trị 23.928.000.000đ và toàn bộ phần cửa hàng mặt phố Nguyễn Bình Khiêm có diện tích đất 31,65m² có giá trị là 9.495.000.000đ + phần xây dựng có giá trị 83.499.000đ + phần xây dựng trên nóc của cửa hàng mặt phố có giá trị 6.996.900đ. Ông Phúc, bà Bình được sở hữu phần xây dựng nhà 03 tầng do ông bà tự xây dựng là 853.733.000 đồng.

+ Ông Lữ sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất tiếp giáp với phần cửa hàng mặt phố bao gồm nhà biệt thự xây 02 tầng cũ (hiện ông và vợ là bà Lý đang quản lý sử dụng) có diện tích đất 50,15m² có giá trị là 12.036.000.000đ, giá trị xây dựng là 100.666.000đ. Ông Lữ và bà Lý được sở hữu sử dụng diện tích xây trên nóc nhà ông bà đang quản lý sử dụng có giá trị 6.996.900đ.

+ Bà Phương sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất tiếp giáp với phần của ông Lữ bao gồm nhà biệt thự xây 02 tầng cũ (hiện bà và chồng là ông Dương đang quản lý sử dụng) có diện tích đất 41,8m² có giá trị 10.032.000.000đ, giá trị xây dựng là 99.361.000đ.

Tổng giá trị ông Lữ được sở hữu bằng hiện vật là 17.256.666.000 đồng. Ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho ông Lữ số tiền 6.480.394.900đ.

Tổng giá trị bà Phương được sở hữu bằng hiện vật là 15.251.361.000 đồng. Ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho bà Phương số tiền là: 8.450.870.000đ.

Ông Trần Vĩnh Phúc, bà Trần Thị Mai Phương, ông Trần Lũy có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Trần Vĩnh Phúc, bà Nguyễn Thị Xuân Bình là nguyên đơn; bà Trần Thị Mai Phương, bà Nguyễn Thị Lý là bị đơn, anh Trần Việt Hà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Hà) trình bày:

- Việc lập di chúc là hợp tình hợp lý và đúng ý nguyện của các cụ. Di chúc được lập thành văn bản do chính cụ Hiến tự tay viết, cụ Xuân ký xác nhận đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 646, Điều 653, Điều 655 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Đối với các văn bản do ông Lũy xuất trình, tại Bản giám định số 37 ngày 08.11.2019 đã kết luận không phải chữ ký cụ Xuân và viết khoảng năm 2017 (trong khi thời điểm lập các văn bản đó năm 2009) do đó có cơ sở xác định các tài liệu này là giả mạo.

- Đối với phần diện tích đã xây nhà 3 tầng ở cuối thửa đất cụ Hiến cụ Xuân đã có văn bản *Giấy đồng ý cho con sửa chữa xây mới ngày 10/12/1996* theo đó hai cụ đã tặng cho vợ chồng ông Phúc diện tích đất này để làm nhà. Tuy việc tặng cho chưa làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng thực tế vợ chồng ông Phúc đã xây nhà kiên cố trên đất, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký của hai cụ đối với văn bản này.

- Bản án sơ thẩm áp dụng hệ số $K = 0,8$ để tính giá trị đất là không phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận công nhận *Thư để lại cho các con* là di chúc hợp pháp và chia di sản thừa kế của cụ Xuân, cụ Hiến theo đúng bản di chúc này; giao cho anh Việt Hà được sở hữu toàn bộ diện tích cửa hàng và không có trách nhiệm trích tiền thuê cho ông Lũy, bà Lý; tước quyền thừa kế của ông Lũy vì có hành vi giả mạo di chúc. Chia phần di sản thừa kế của cụ Hiến cụ Xuân để lại cho ông Lũy mà ông Lũy không được hưởng cho ông Phúc bà Phương. Áp dụng Nghị quyết 02/2004 để công nhận vợ chồng ông Phúc có quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích đã xây dựng nhà 3 tầng. Nguyên đơn có công sức trong việc tôn tạo nhà đất tranh chấp, nếu được trích công sức bà Bình tự nguyện giao phần công sức được hưởng cho ông Phúc.

Bị đơn bà Phương, ông Dương do anh Lê Phương Bảo và anh Lê Phương Trung đại diện đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phương chia nhà 5A phố Nguyễn Bình Khiêm làm 3

phần bằng nhau, mỗi kỷ phần thừa kế đều có phần mặt tiền như nhau chạy suốt theo chiều dài của thửa đất. Bà Phương có nguyện vọng được chia thừa kế chung vào một khối với phần di sản của gia đình bà Lý được hưởng.

Bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Trần Lũy là bà Lý đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm về cách phân chia di sản để gia đình bà và bà Phương được nhận phần đất có mặt tiền giáp phố Nguyễn Bình Khiêm và được chia thừa kế chung vào một khối với phần di sản của gia đình bà Phương được hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Trần Lũy là chị Trần Kim Oanh; chị Trần Minh Hằng thống nhất với ý kiến của bà Lý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Việt Hà do bà Nguyễn Thị Xuân Bình đại diện thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Hà).

Chị Trần Phương Linh, chị Trịnh Mai Hương con gái và con dâu ông Phúc bà Bình; chị Nguyễn Thúy Hiền người thuê cửa hàng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án công bố lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội về giá theo giá định giá của Hội đồng định giá cấp phúc thẩm và giữ nguyên cách phân chia của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Vĩnh Phúc, bà Nguyễn Thị Xuân Bình; bị đơn bà Trần Thị Mai Phương, bà Nguyễn Thị Lý, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Việt Hà nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng: Ngày 29/11/2019 ông Trần Lũy chết, Tòa án cấp phúc thẩm xác định người thừa kế của ông Trần Lũy gồm có bà Nguyễn Thị Lý, chị Trần Kim Oanh, chị Trần Minh Hằng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Lũy theo quy định tại Điều 74 BLTTDS.

Về nội dung:

Về diện hàng thừa kế:

Cụ Trần Văn Hiến và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân có bốn người con đẻ là bà Trần Thị Mai Phương, ông Trần Ninh Bình, ông Trần Lũy, ông Trần Vĩnh Phúc. Ngoài bốn người con nêu trên, hai cụ không có con riêng, con nuôi nào

khác. Bố mẹ đẻ của hai cụ đã chết. Ông Trần Ninh Bình là liệt sỹ chết năm 1968, không có vợ con.

Cụ Hiền chết năm 2008, cụ Xuân chết năm 2012. Thời điểm mở thừa kế của cụ Hiền là năm 2008, thời điểm mở thừa kế của cụ Xuân là năm 2012. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hiền và cụ Xuân là bà Trần Thị Mai Phương, ông Trần Lũy, ông Trần Vĩnh Phúc.

Về tính hợp pháp của các văn bản các đương sự xuất trình đề nghị Tòa án công nhận là di chúc của cụ Trần Xuân Hiền và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân.

Về bản *Thư để lại cho các con* của cụ Trần Văn Hiền và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân do ông Trần Vĩnh Phúc, bà Nguyễn Thị Xuân Bình xuất trình và đề nghị Tòa án xác định là di chúc và hợp pháp, đề nghị chia thừa kế di sản của hai cụ theo di chúc này.

Xét về hình thức của văn bản này do cụ Hiền viết, có chữ ký của cụ Xuân. Nội dung văn bản trên căn dặn các con về sự đoàn kết, yêu thương nhau và phân chia tài sản sau khi chết. Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định đúng là chữ viết của cụ Hiền và đúng chữ ký cụ Xuân, cụ Hiền. Đây là văn bản chung của vợ chồng, được lập bằng văn bản, không có người làm chứng, không công chứng, chứng thực. Về thời gian, cụ Hiền viết nhưng không ghi ngày tháng lập di chúc. Phần ngày 20/10/2006 cuối di chúc do cụ Xuân viết là thể hiện ngày cụ Xuân ký tên, do vậy bản di chúc này không thể hiện ngày, tháng. Cuối bản di chúc cụ Hiền chỉ ký « *nháy* », cụ Xuân có ký tên nhưng cả hai cụ không ghi rõ họ tên. Như vậy về hình thức của văn bản này không đúng theo Điều 652, Điều 653, Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận *Thư để lại cho các con* là di chúc hợp pháp là đúng quy định. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này.

Về *Bản di chúc ngày 16/8/2009* của cụ Huỳnh Thị Mai Xuân do ông Trần Lũy xuất trình và đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc đó là hợp pháp và chia thừa kế di sản của hai cụ theo bản di chúc này:

Xét thấy bản di chúc này không có người làm chứng, không công chứng, chứng thực. Theo quy định tại Điều 650 BLDS năm 2005, đây thuộc trường hợp di chúc bằng văn bản không có người làm chứng. Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 2005 về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng: *Người lập di chúc phải tự tay viết và ký vào bản di chúc.* Bản di chúc này ông Lũy thừa nhận do ông tự viết cụ Xuân chỉ ký phía dưới. Căn cứ Điều 652, Điều 653, Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận *Bản di chúc ngày 16/8/2009* là di chúc hợp pháp là đúng quy định. Ngoài 02 văn bản trên, các đương sự đều xác nhận không có bản di chúc hợp pháp nào khác của cụ Hiền, cụ Xuân nên xác định hai cụ chết không để lại di chúc. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 675 BLDS năm 2005, chia di sản thừa kế của cụ Hiền và cụ Xuân theo pháp luật.

Về di sản:

Sinh thời cụ Hiền và cụ Xuân tạo lập được khối tài sản là nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tài sản này đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107015062 ngày 23/5/2001 đứng tên cụ Trần Văn Hiền và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân theo quyết định số 2890.2001.QĐUB, thuộc thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956, diện tích 274,50m², nhà biệt thự tổng diện tích sử dụng 189,30m², số tầng 02+01. Tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ Hiền và cụ Xuân và là di sản thừa kế của các cụ. Ngoài khối tài sản này các đương sự không yêu cầu chia khối tài sản nào khác.

Xem xét yêu cầu công nhận ông Phúc, bà Bình có quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích xây nhà 3 tầng:

Tại cấp phúc thẩm ông Phúc xuất trình bản gốc *Giấy đồng ý cho con sửa chữa, cải tạo xây dựng mới* ngày 10/12/1996 và đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông có quyền sử dụng diện tích đất đã xây nhà 3 tầng. Giấy có nội dung: *...ba má đồng ý cho con khoảnh đất 60m² trên một khoảnh đất hình chữ nhật, có chiều rộng là toàn bộ kích thước giữa hai nhà lân cận...và chiều sâu là 7,2m cho tầng 1; là 8m cho ban công của các tầng trên tính từ mép tường phía trong hiện tại giáp nhà số 130 phố Bà Triệu trở ra...có chữ ký dưới phần Ba Trần Văn Hiền, má Huỳnh Thị Mai Xuân.* Các đương sự không có yêu cầu giám định chữ ký của hai cụ tại văn bản này. Thực tế ông Phúc, bà Bình đã xây nhà 3 tầng kiên cố ngay sau khi có văn bản này. Nhận thấy: Theo quy định tại Điều 467 BLDS 2005:

1- Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có Công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu.

2- Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký...;

Điều 689 BLDS 2005 qui định: *Việc chuyển quyền sử dụng đất phải được thực hiện thông qua hợp đồng; hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.*

Nếu cho rằng ông Phúc được cụ Hiền, cụ Xuân tặng cho quyền sử dụng đất thì khi nhận tặng cho ông Phúc bà Bình chưa làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật vì vậy việc tặng cho trên chưa có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, cụ Hiền, cụ Xuân cho ông Phúc xây nhà là năm 1996, thời điểm đó cụ Hiền, cụ Xuân chưa được cấp GCN đối với nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm. Năm 2001 hai cụ được cấp GCN đối với nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm nhưng hai cụ cũng không làm thủ tục tặng cho ông Phúc đối với diện tích đất này tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2 Mục II Nghị quyết 02/2004 hướng dẫn việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không áp dụng để giải quyết trong trường hợp này. Từ phân tích trên không có căn cứ chấp nhận

kháng cáo của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đối với phần diện tích xây nhà 3 tầng.

Xác định di sản thừa kế của cụ Hiền và cụ Xuân để lại là nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, thuộc thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956, diện tích 274,50m².

Về công sức: Quá trình quản lý, sử dụng đất vợ chồng ông Phúc bà Bình có công sức trong việc tôn tạo đất, như xây bể nước ngầm, xây một khoảng nhà vệ sinh cho nhà ông Trần Lũy, chăm sóc cụ Xuân....nên cần trích công sức tôn tạo cho vợ chồng ông Phúc bằng $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế. Bản án sơ thẩm chưa xem xét đến công sức của vợ chồng ông Phúc là có thiếu sót. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bình về việc giao ông Phúc toàn bộ phần công sức được hưởng.

Về việc phân chia di sản thừa kế:

Ngày 13/11/2019, ông Phúc bà Bình có đơn đề nghị không cho ông Lũy, bà Lý được quyền hưởng di sản của cụ Hiền, cụ Xuân do giả mạo di chúc. Xét thấy như đã phân tích trên, 02 văn bản do ông Phúc và ông Lũy xuất trình đều không được Tòa án công nhận là di chúc hợp pháp và di sản của các cụ được chia theo luật. Theo quy định tại khoản 3 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 về những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau do đó ý kiến của ông Phúc bà Bình là không có căn cứ, bản án sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định.

Chia bằng giá trị :

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá ngày 08/10/2019 Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thành lập đã định giá giá trị chuyển quyền sử dụng đất là 300 triệu đồng/m². Tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Phương đề nghị cấp phúc thẩm đo đạc và định giá lại.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá ngày 17/11/2020 Hội đồng định giá đã định giá giá trị chuyển quyền sử dụng đất là 337.480.000 đồng/m² x 274,5m² = 92.638.260.000đ

Tài sản trên đất:

Nhà mái bằng (phần cửa hàng giáp mặt phố Nguyễn Bình Khiêm) có giá trị xây dựng là 3.466.000đ/m² x 25,8m² x 40% = 35.769.120đ

Nhà biệt thự hai tầng có giá trị xây dựng 7.305.000đ/m² x 96,2m² x 40% = 281.096.400đ

Nhà 03 tầng phía cuối của thửa đất và phần nhà tạm bán mái do ông Phúc, bà Bình đang quản lý, sử dụng là do ông Phúc, bà Bình xây dựng, không thuộc di sản của cụ Hiền, cụ Xuân.

Đối với phần diện tích xây dựng cửa hàng, ông Phúc khai diện tích này do bố mẹ ông xây dựng. Ông Lũy, bà Lý cho rằng phần giá trị xây dựng cửa hàng là do cụ Xuân đứng ra xây hết 15.000.000đ, ông bà có đóng góp 1/3 giá trị là 5.000.000đ và đóng góp công sức xây dựng cửa hàng đó. Ông Lũy xuất

trình Giấy công nhận chung vốn xây dựng cửa hàng mặt phố có chữ ký xác nhận của cụ Xuân về việc công nhận ông Lũy, bà Lý có đóng góp số tiền 5.000.000đ để xây dựng cửa hàng. Văn bản này đã được Tòa án trung cầu giám định theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kết luận giám định xác định đúng chữ ký của cụ Xuân nên ý kiến của ông Lũy, bà Lý là có cơ sở nên được chấp nhận. Về công sức đóng góp xây dựng cửa hàng, ông Lũy, bà Lý không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Theo Biên bản định giá giá trị xây dựng cửa hàng là 35.769.120đ. Xác định di sản của cụ Hiền, cụ Xuân trong giá trị xây dựng cửa hàng là 23.846.080đ; ông Lũy và bà Lý sở hữu giá trị xây dựng cửa hàng là 11.923.040đ.

Như vậy giá trị di sản của cụ Hiền, cụ Xuân để lại là: 92.638.260.000đ (giá trị quyền sử dụng đất) + 281.096.400đ (giá trị xây dựng nhà biệt thự) + 23.846.080đ (giá trị xây dựng cửa hàng) = 92.943.202.480đ

Chia thừa kế theo pháp luật theo đó di sản thừa kế của cụ Hiền và cụ Xuân để lại là 92.943.202.480đ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Phúc, bà Phương, ông Lũy. Ông Phúc được nhận thêm công sức tôn tạo bằng $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế. Theo đó giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng cụ thể như sau:

Giá trị di sản 92.943.202.480đ : 4 = 23.235.800.620đ; công sức của vợ chồng ông Phúc 23.235.800.620đ : 2 = 11.617.900.310đ; chia $\frac{1}{2}$ kỷ phần còn lại cho các thừa kế 11.617.900.310đ : 3 = 3.872.633.437đ

Cụ thể :

Kỷ phần của ông Phúc là : 23.235.800.620đ + 11.617.900.310đ (công sức) + 3.872.633.437đ = 38.726.334.367đ.

Kỷ phần của ông Trần Lũy là: 23.235.800.620đ + 3.872.633.437đ = 27.108.434.057đ.

Giá trị xây dựng cửa hàng ông Trần Lũy được nhận là 11.923.040đ + 27.108.434.057đ = 27.120.357.097đ.

Kỷ phần của bà Phương là: 23.235.800.620đ + 3.872.633.437đ = 27.108.434.057đ.

Ngoài ra từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2019, ông Phúc là người đứng ra cho thuê diện tích cửa hàng mặt phố thu được số tiền là 660.190.000đ. Khoản tiền này các đương sự đều xác nhận đúng và tự nguyện thỏa thuận về việc chia khoản tiền này làm 02 phần theo đó ông Phúc $\frac{1}{2}$, ông Lũy $\frac{1}{2}$. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận. Tại cấp phúc thẩm ông Phúc xác định số tiền cho thuê của hàng tính đến hết tháng 12/2020 là 791.276.400đ . Khoản tiền này ông Phúc đang quản lý, do đó ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế của ông Lũy $\frac{1}{2}$ thành tiền là 395.638.200đ.

*** Chia bằng hiện vật:**

Bà Phương và bà Lý kháng cáo đề nghị chia di sản bằng hiện vật và chia thành 03 phần bằng nhau tính từ mặt phố Nguyễn Bình Khiêm chạy dài

hết thửa đất. Tuy nhiên, do phía cuối của thửa đất là nhà do ông Phúc, bà Bình tự xây dựng thuộc sở hữu của ông bà nên yêu cầu chia bằng hiện vật theo phương án chia đến hết thửa đất của bà Phương và bà Lý đưa ra không có cơ sở để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm cho ông Phúc được nhận toàn bộ phần diện tích mặt tiền phố Nguyễn Bình Khiêm là không bảo đảm giá trị sinh lời của các thửa đất được phân chia. Mặt khác, cả ba thừa kế cùng sử dụng phần sân chung, gây khó khăn trong quá trình sử dụng. Tại cấp phúc thẩm, bà Phương và bà Lý có nguyện vọng được chia di sản chung vào một khối và có phần diện tích mặt đường. Nhận thấy: Nhà số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm có mặt tiền rộng hơn 9m nên có thể phân chia để các kỹ phần thừa kế đều có phần diện tích mặt tiền như nhau nhằm thuận tiện trong quá trình sử dụng, nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giao bà Phương và các thừa kế của ông Lữ được sở hữu, sử dụng phần cửa hàng (nhà bê tông) mặt phố Nguyễn Bình Khiêm, biệt thự 2 tầng và một phần diện tích sân phía sau nhà biệt thự hai tầng; giao ông Phúc sở hữu, sử dụng phần sân có chiều rộng sát mặt đường là 3m, toàn bộ diện tích đất đã xây nhà 3 tầng và một phần sân trước nhà 3 tầng (có sơ đồ kèm theo bản án). Cụ thể:

1. Giao ông Phúc sở hữu, sử dụng 138,4m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956 tọa lại tại địa chỉ nhà số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (được đánh dấu bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 18, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 13 trên sơ đồ) có giá trị là : 138,4m² x 337.480.000đ = 46.707.232.000đ.

Chênh lệch so với kỹ phần thừa kế được hưởng là: 46.707.232.000đ - 38.726.334.367đ = 7.980.897.633đ

2. Giao bà Phương và các thừa kế của ông Trần Lữ sở hữu, sử dụng 136,1m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956 tọa lại tại địa chỉ nhà số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (được đánh dấu bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 18, 8, 9, 10, 11, 12, 13 trên sơ đồ) có giá trị là: 136,1m² x 337.480.000đ = 45.931.028.000đ + giá trị tài sản trên đất (nhà biệt thự) 281.096.400đ + 35.769.120đ (cửa hàng) = 46.247.893.520đ.

Chênh lệch so với kỹ phần thừa kế được hưởng là:

Kỹ phần của bà Phương 27.108.434.057đ + kỹ phần của ông Trần Lữ 27.120.357.097đ = 54.228.791.154đ - 46.247.893.520đ = 7.980.897.633đ.

Ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế của ông Lữ số tiền chênh lệch theo kỹ phần được hưởng là: 4.002.371.856,5đ ; thanh toán cho bà Phương số tiền chênh lệch theo kỹ phần được hưởng là 3.978.525.776,5đ.

Ông Phúc còn phải thanh toán tiền cho thuê cửa hàng cho các thừa kế của ông Lữ là 395.638.200đ. Tổng cộng cả hai khoản là 4.002.371.856,5đ + 395.638.200đ = 4.398.010.056,5đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Trần Vĩnh Phúc, bà Trần Thị Mai Phương và các thừa kế của ông Trần Lũy có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCN quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thúy Hiền là người thuê cửa hàng mặt phố tại 5A, Nguyễn Bình Khiêm để kinh doanh, quá trình thuê chị không sửa chữa, xây dựng, chị xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội một phần phù hợp với nhận định của HĐXX.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phúc, bà Bình và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hà.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phương, bà Lý.

Về án phí: Do ông Phúc, bà Bình, bà Phương, bà Lý là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Phúc, bà Bình, bà Phương, bà Lý.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Mai Phương, bà Nguyễn Thị Lý được nhận lại 300.000đ dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0003106 ngày 06/12/2019; Biên lai thu số 0003111 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận anh Trần Việt Hà phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, đối trừ vào Biên lai thu dự phí kháng cáo số 0003074 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000đ tại Biên lai số: AC/2015/0002174 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Điều 633, 645, 650, 652, 653, 655, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 611, 623, 628, 630, 631, 633, 649, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 2 Luật người cao tuổi.

- Điểm d Khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình đối với bà Trần Thị Mai Phương, ông Lê Văn Dưỡng, ông Trần Lũy, bà Nguyễn Thị Lý về việc công nhận *Thư để lại cho các con* là di chúc và chia thừa kế theo di chúc đối với nhà đất tại nhà số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2 Về diện hàng thừa kế :

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Văn Hiến là ngày 02/6/2008, thời điểm mở thừa kế của cụ Huỳnh Thị Mai Xuân là ngày 16/12/2012. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Hiến và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân là bà Trần Thị Mai Phương, ông Trần Lũy, ông Trần Vĩnh Phúc. Hai cụ chết không để lại di chúc. Chia thừa kế theo luật.

3 Về di sản:

Di sản thừa kế của cụ Trần Văn Hiến và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân là nhà đất tại số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956, diện tích đất ở 274,50m², hình thức sử dụng: riêng; nhà biệt thự, tổng diện tích sử dụng 189,30m², số tầng 02+01 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107015062, hồ sơ gốc số: 14967.2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2001 cho cụ Trần Văn Hiến và cụ Huỳnh Thị Mai Xuân. Di sản có giá trị là 92.943.202.480đ.

Về công sức: Trích công sức tôn tạo cho ông Phúc bà Bình bằng ½ kỷ phần thừa kế. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bình về việc giao ông Phúc toàn bộ phần công sức được hưởng.

***Chia bằng giá trị:**

Giá trị di sản 92.943.202.480đ : 4 = 23.235.800.620đ; công sức của vợ chồng ông Phúc 23.235.800.620đ : 2 = 11.617.900.310đ ; chia ½ kỷ phần còn lại cho các thừa kế 11.617.900.310đ : 3 = 3.872.633.437đ

Cụ thể:

Kỷ phần của ông Phúc là 23.235.800.620đ + 11.617.900.310đ (công sức) + 3.872.633.437đ = 38.726.334.367đ.

Kỷ phần của ông Trần Lũy là 23.235.800.620đ + 3.872.633.437đ = 27.108.434.057đ. Giá trị xây dựng cửa hàng ông Trần Lũy được nhận là 11.923.040đ + 27.108.434.057đ = 27.120.357.097đ.

Kỷ phần của bà Phương là: 23.235.800.620đ + 3.872.633.437đ = 27.108.434.057đ.

***Chia bằng hiện vật: (có sơ đồ kèm theo bản án).**

- Giao ông Trần Vĩnh Phúc sở hữu, sử dụng 138,4m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956 tọa lại tại địa chỉ

nhà số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (được đánh dấu bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 18, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 13 trên sơ đồ) có giá trị là 46.707.232.000đ.

- Giao bà Trần Thị Mai Phương và các thừa kế của ông Trần Lũy (bà Nguyễn Thị Lý, chị Trần Kim Oanh, chị Trần Minh Hằng) sở hữu, sử dụng 136,1m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số S.13 lập 1956 tọa lại tại địa chỉ nhà số 5A phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (được đánh dấu bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 18, 8, 9, 10, 11, 12, 13 trên sơ đồ) có giá trị là 46.247.893.520đ.

Đôi trừ chênh lệch:

Ông Phúc được giao phần đất có giá trị là 46.707.232.000đ - kỷ phần được chia là 38.726.334.367 dư 7.980.897.633đ

Kỷ phần của bà Phương là 27.108.434.057đ + kỷ phần của ông Trần Lũy 27.120.357.097đ = 54.228.791.154đ – giá trị tài sản được chia 46.247.893.520đ thiếu 7.980.897.633đ.

Ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế của ông Trần Lũy số tiền chênh lệch theo kỷ phần được hưởng là: 4.002.371.856,5đ ; thanh toán cho bà Phương số tiền chênh lệch theo kỷ phần được hưởng là 3.978.525.776,5đ.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự cùng thống nhất xác định số tiền cho thuê cửa hàng mặt phố Nguyễn Bình Khiêm là di sản thừa kế của cụ Hiền và cụ Xuân tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 là 791.276.400đ, được chia đều cho ông Phúc và ông Trần Lũy mỗi người ½. Ông Phúc có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Lũy số tiền là 395.638.200đ.

Ông Phúc phải thanh toán tiền cho thuê cửa hàng và tiền chênh lệch kỷ phần được hưởng cho các thừa kế của ông Trần Lũy (bà Nguyễn Thị Lý, chị Trần Kim Oanh, chị Trần Minh Hằng), tổng cộng cả hai khoản là 4.002.371.856,5đ + 395.638.200đ = 4.398.010.056,5đ

Ông Trần Vĩnh Phúc, bà Trần Thị Mai Phương và các thừa kế của ông Trần Lũy (bà Nguyễn Thị Lý, chị Trần Kim Oanh, chị Trần Minh Hằng) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCN quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Chị Nguyễn Thúy Hiền là người thuê cửa hàng mặt phố tại 5A, Nguyễn Bình Khiêm để kinh doanh, quá trình thuê chị không sửa chữa, xây dựng, chị xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông Phúc, bà Bình, bà Phương, bà Lý.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Mai Phương, bà Nguyễn Thị Lý được nhận lại 300.000đ dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0003106 ngày 06/12/2019; Biên lai

thu số 0003111 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Anh Trần Việt Hà phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, đối trừ vào Biên lai thu dự phí kháng cáo số 0003074 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Vĩnh Phúc và bà Nguyễn Thị Xuân Bình được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000đ tại Biên lai số: AC/2015/0002174 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh